TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 01 - 2026
V/v: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Huê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025, về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh ngày 07/01/1991.

Số căn cước công dân: 035191013640.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường P, tỉnh Ninh Bình.

2/ Bị đơn: Anh Cao Văn D, sinh ngày 15/3/1980.

Số căn cước công dân: 015080007598.

Nơi ĐKHKTT: Xóm 35, xã H, tỉnh Ninh Bình.

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường P, tỉnh Ninh Bình.

(Phiên tòa vắng mặt chị Nguyễn Thị P có lý do; vắng mặt anh Cao Văn D không có lý do).

NHẬN THẤY:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị và anh Cao Văn D kết hôn hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là UBND phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai) vào ngày 04/9/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một

thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh D mâu thuẫn với cả con riêng của chị; anh D ngoại tình và đang sống cùng người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Anh chị đã sống ly thân nhau 02 năm nay, không còn quan tâm đến nhau cũng không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Văn D.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Cao Trường T (con trai), sinh ngày 15/5/2015 và cháu Cao Trường A (con trai), sinh ngày 15/10/2020. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về con nuôi, con riêng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ngày 08/12/2025, bị đơn anh Cao Văn D có mặt tại Tòa án trình bày quan điểm, Tòa án đã hướng dẫn anh D viết bản tự khai theo quy định nhưng anh D không viết nên Tòa án đã lấy lời khai của anh D. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/12/2025, anh D có quan điểm trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị P là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai vào ngày 04/9/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống không có hạnh phúc vì bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Vợ chồng anh chị sống ly thân nhau đã lâu (anh không nhớ chính xác thời gian nào). Nay chị P xin ly hôn anh cũng đồng ý, tuy nhiên anh yêu cầu chị P phải ghi đúng ý anh trong đơn khởi kiện.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Cao Trường T, sinh ngày 15/5/2015 và Cao Trường A, sinh ngày 15/10/2020. Hiện cả hai cháu đang ở với chị P. Khi ly hôn anh muốn nuôi cả hai cháu, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của cháu Cao Trường T: Cháu là con đẻ của bố D mẹ P. Cháu đang học lớp 5C trường tiểu học T, cháu đang ở với mẹ. Trường hợp bố mẹ ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ.

* Tại phiên toà:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Cao Văn D vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Cao Văn D.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Cao Trường T (con trai), sinh ngày 15/5/2015. Giao cho anh Cao Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Cao Trường A (con trai), sinh ngày 15/10/2020. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chấp nhận sự tự nguyện của chị P nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Cao Văn D cư trú tại tổ dân phố B, phường P, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" giữa chị Nguyễn Thị P và anh Cao Văn D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

[2] Về xét xử vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Cao Văn D mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị P và anh Cao Văn D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/9/2015 tại UBND phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là UBND phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai), đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P, HĐXX thấy rằng:

Sau khi kết hôn chị P và anh D chung sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung; ngoài ra chị P còn xác định anh D có quan

hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2023 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Cao Văn D là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Cao Trường T (con trai), sinh ngày 15/5/2015 và cháu Cao Trường A (con trai), sinh ngày 15/10/2020, hiện tại cả hai cháu đều đang ở cùng chị P. Khi ly hôn cả chị P và anh D đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu. Xét việc nuôi con chung là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái; nguyện vọng của cháu T mong muốn được ở với mẹ. Do đó, cần giao cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Cao Trường T; giao cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Cao Trường A, không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với thực tế và phù hợp với các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con nuôi, con riêng: Chị P và anh D không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị P và anh D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị P tự nguyện nộp toàn bộ án phí.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Cao Văn D.

2/ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Cao Trường T (con trai), sinh ngày 15/5/2015. Giao cho anh Cao Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Cao Trường A (con trai), sinh ngày 15/10/2020. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị P nộp toàn bộ tiền án phí là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003043 ngày 21/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, chị P được nhận lại số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị P và anh Cao Văn D vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai; (ĐKKH ngày 04/9/2015)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Thị Kim Ngân